

Tuần 10:

Ngày dạy:

Bài 37: TỔNG KẾT TỪ VỰNG (TT)

I.MỤC TIÊU CẦN ĐẠT:

1.Kiến thức:

Một số khái niệm liên quan đến từ vựng.

2.Kĩ năng:

Cách sử dụng từ hiệu quả trong nói, viết, Đọc - hiểu văn bản và tạo lập văn bản.

3.Thái độ:

Tích cực vận dụng các từ vựng trong giao tiếp và tạo lập VB.

II.CHUẨN BỊ:

- GV: Sách GK, giáo án

- HS: học bài, đọc trước bài, soạn bài trả lời các câu hỏi SGK.

III.TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1.Ổn định tổ chức:

2.Kiểm tra bài cũ:

3.Bài mới:

*Vào bài:

HOẠT ĐỘNG THẦY VÀ TRÒ	NỘI DUNG
*HD1: Sự phát triển của từ vựng GDKNS: Hệ thống hoá những vấn đề cơ bản về từ vựng tiếng Việt, cách lựa chọn, sử dụng từ thích hợp trong giao tiếp. 1.Ôn khái niệm: (PP hỏi- trả lời) - Sơ đồ: Các cách PTTV Phát triển nghĩa từ ~ Phát triển số lượng từ ~ Tạo từ mới Mượn từ 2.BT: Thảo luận cặp đôi <u>Phát triển từ vựng bằng cách phát triển nghĩa của từ:</u> (dưa) chuột, (con) chuột - Phát triển bằng cách tăng số lượng từ ngữ +Tạo từ ngữ mới: Rừng phòng hộ, thị trường tiền tệ, tiền khả thi. +Mượn tiếng nước ngoài: In - tơ - net. 3.GV khẳng định: Nếu không có sự phát triển nghĩa thì mỗi từ chỉ có một nghĩa -> số lượng từ ngữ sẽ tăng lên nhiều lần. Không thể xảy ra đối với bất kì ngôn ngữ nào trên thế giới. Mọi ngôn ngữ của nhân loại đều phát triển từ vựng theo tất cả những cách thức nêu trong sơ đồ trên.	V. Từ đơn và từ phức: 1. Ôn khái niệm: *có 2 cách: - Phát triển nghĩa của từ ngữ. +Thêm nghĩa +Chuyển nghĩa - Phát triển số lượng của từ ngữ +Tạo từ mới +Vay mượn 2,3.BT:

*HD2: Từ mượn: 1. Ôn khái niệm: Là từ được vay mượn từ tiếng nước ngoài để biểu thị những sự vật, hiện tượng, đặc điểm,... mà tiếng Việt chưa có từ thích hợp để biểu thị. HS: làm BT 2, 3 (SGK) (TL: cặp đôi) *Bài tập 2: Chọn c *Bài tập 3: Các từ sấm, lớp, ga, phanh... tuy là vay mượn nhưng nay đã được Việt hoá. Về âm, nghĩa và cách dùng những từ này không khác gì từ thuần Việt; Còn các từ a- xít, ra- đi- ô là những từ vay mượn chưa được Việt hoá. *HD3: Từ Hán Việt 1. Ôn khái niệm: (PP hỏi đáp) - Từ Hán Việt là từ mượn tiếng Hán. 2. BT: HS thực hành và trình bày (Thảo luận cặp đôi) - Chọn cách hiểu b *HD4: Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội 1. Ôn khái niệm: (PP hỏi đáp) - Thuật ngữ: là những từ ngữ biểu thị khái niệm khoa học, công nghệ, thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ. - Biệt ngữ xã hội: khác với từ ngữ toàn dân, biệt ngữ xã hội chỉ được dùng trong một tầng lớp xã hội nhất định. 2. BT: Thảo luận về vai trò của thuật ngữ trong đời sống hiện nay: <i>Thời đại ngày nay là thời đại của khoa học và kỹ thuật công nghệ cao có ảnh hưởng lớn đến đời sống con người. Trình độ dân trí của người VN phải không ngừng nâng cao. Nhu cầu giao tiếp và nhận thức của mọi người cũng tăng lên chưa từng thấy vì vậy thuật ngữ đóng vai trò quan trọng.</i> 3. BT: Liệt kê một số biệt ngữ xã hội: + Trong học tập: Gậy (điểm 1); trứng ngỗng (điểm 0) + Trong sinh hoạt: Cốm (ngày trước mặt thám -> bây giờ: công an) + Trong giao tiếp: Cậu - mợ (từ ngữ xưng hô của một lớp người trung lưu trong xã hội) *HD5: Trau dồi vốn từ: 1. Ôn các hình thức trau dồi vốn từ: - Rèn luyện để dễ nắm vững nghĩa của từ và cách dùng từ - Rèn luyện để làm tăng vốn từ 2. BT: Giải thích nghĩa của từ: - Bách khoa toàn thư: từ điển bách khoa, ghi đầy đủ tri thức của các ngành. - Bảo hộ mậu dịch: chính sách bảo vệ sản xuất trong nước chống lại sự cạnh tranh của hàng hoá nước ngoài trên thị trường nước mình. - Dự thảo: thảo ra để đưa thông qua (ĐT), bản thảo để đưa	II. Từ mượn: 1. Ôn khái niệm: SGK NV 6 t1, trang 25 2, 3. BT: - BT2: (SGK) chọn c - BT3: + Từ mượn đã Việt hoá: sấm, lớp... + Từ mượn chưa Việt hoá: a- xít... III. Từ Hán Việt: 1. Ôn khái niệm: SGK NV 6 t1, trang 25 2. BT: b IV. Thuật ngữ và biệt ngữ xã hội: 1. Ôn KN: - Biệt ngữ XH: SGK NV 8 t1 trang 57 2. BT: Thảo luận 3. BT V. Trau dồi vốn từ 1. Ôn: 2. BT:
--	---

thông qua (DT)

- Đại sứ quán: Cơ quan đại diện chính thức và toàn diện của một nhà nước ở nước ngoài, do một đại sứ đặc mệnh toàn quyền đứng đầu. (khác lãnh sự quán)
- Hậu duệ: con cháu của người chết
- Khẩu khí: khí phách của con người toát ra qua lời nói.
- Môi sinh: môi trường sống của sinh vật

3. BT:

- a. Thay béo bở (dễ mang lại nhiều lợi nhuận) cho béo bở (tính chất cung cấp nhiều chất bổ dưỡng cho cơ thể)
- b. Thay tẻ bạc (không nhớ gì ơn nghĩa, không giữ trọn tình nghĩa trước sau trong quan hệ đối xử) cho đậm bạc (có ít thức ăn, toàn thứ rẻ tiền, chỉ có đủ ở mức tối thiểu)
- c. Thay tấp tểi (liên tiếp, dồn dập, cái này chưa qua, cái khác đã tới) cho tấp nập (gọi tả quang cảnh đông người qua lại không ngớt)

3.BT

IV.CỦNG CỐ- HD HS HỌC Ở NHÀ

***Củng cố:** Nêu cách trau dồi vốn từ của em?

***HD:** Học bài, làm lại bài tập, chuẩn bị bài Nghị luận trong văn bản tự sự.